TÒA ÁN NH DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **102**/2018/DS-PT
Ngày: 14/3/2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư
Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt
Ông Phạm Kim Của

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án Nh dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nh dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLPT-DS ngày 18/01/2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế về tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án Nh dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2018/QĐ-PT ngày 22/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐ-PT ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1956 (có mặt)
Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre
2. Bị đơn:
Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1953 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre
3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :
3.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 (vắng mặt)
Địa chỉ : ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh
3.2 Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ : ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

3.3 Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre

3.4 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre

3.5 Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

3.6 Bà Lê Thị D, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Ông T, bà C ủy quyền cho ông Tr tham gia tố tụng; bà S ủy quyền cho ông D tham gia tố tụng; bà D, chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Th trình bày :

Cha ruột ông là Nguyễn Văn Trì chết năm 1989, mẹ là bà Nguyễn Thị Tước chết năm 2000. Ông Trì, bà Tước có 07 người con gồm : Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị D và Nguyễn Văn Thảo (là liệt sĩ, đã chết không có vợ con). Khi chết, bà Tước không để lại di chúc, tài sản bà Tước để lại là phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.109,9m^2, thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 5B, thị trấn Giồng Trôm do bà Tước đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Tước chết thì ông Tr quản lý, sử dụng đất cho đến nay mà không hcia cho các anh chị em trong gia đình, không cho ông và ông D đi trên đất để ra lộ công cộng. Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất qua đo đạc thực tế nêu trên. Ông đồng ý bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho ông Tr theo kết quả định giá. Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Tr, yêu cầu độc lập của anh Nh, chị D.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày :

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Th về quan hệ gia đình và tài sản của cha mẹ để lại. Ông có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất cha mẹ để lại. Ông đồng ý bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho ông Tr theo kết quả định giá. Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Tr, yêu cầu độc lập của anh Nh, chị D.

Theo đơn phản tố, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Tr trình bày :

Cha ruột ông là Nguyễn Văn Trì chết năm 1989, mẹ là bà Nguyễn Thị Tước chết năm 2000. Ông Trì, bà Tước có 07 người con gồm : Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị D và Nguyễn Văn Thảo (là liệt sĩ, đã chết không có vợ con). Lúc sống bà Tước vừa bán vừa cho ông phần đất có diện tích khoảng 2.500m^2 và có cho anh Nguyễn Văn Nh khoảng

1.000m^2 mà không làm giấy tờ cũng như làm thủ tục tách sổ và ông có đưa cho bà Tước 05 chỉ vàng để mua đất. Bà Tước chết không để lại di chúc. Bà Tước để lại là phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 7.109,9m^2, thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 5B, thị trấn Giồng Trôm do bà Tước đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà Tước chết thì ông T là anh cả có họp mặt tất cả anh chị em trong gia đình và thống nhất là giao đất cho bà S canh tác để cúng giỗ do ông T còn thiếu nợ bà S 1,8 cây vàng. Một thời gian sau thì ông T trả cho bà S 1,8 cây vàng để lấy đất lại. Sau đó, ông T giao đất lại cho ông canh tác để cũng giỗ ông bà, cha mẹ, còn ông T đi làm ăn xa. Nay ông không đồng ý với yêu cầu của ông Th, ông D. Ông có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích 2.296,4m^2. Phần còn lại ông đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật thành 07 phần, ông được nhận 02 phần vì ông đang thờ cúng cha mẹ và ông Nguyễn Văn Thảo. Đối với cây trồng thì ông yêu cầu bồi thường theo kết quả định giá.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S trình bày :Bà thống nhất như lời trình bày của các anh em về quan hệ gia đình và tài sản. Nay bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nêu trên và bà được nhận 01 phần. Bà đồng ý bồi thường giá trị hoa màu theo kết quả định giá.

Anh Nguyễn Văn Nh và chị Lê Thị D thống nhất trình bày :Anh Nh là con ruột ông T, từ nhỏ đã sống chung với bà Tước và được bà Tước nuôi dưỡng. Khi còn sống bà Tước có cho vợ chồng anh Nh khoảng 1.000m^2 đất nhưng không làm giấy tờ. Nay anh yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế là 1.023,5m^2 cho vợ chồng anh.

Ông Nguyễn Văn T trình bày :Ông thống nhất như lời trình bày của các anh em về quan hệ gia đình và tài sản. Lúc còn sống bà Tước có vừa bán, vừa cho ông Tr khoảng 2.500m^2 đất. Sau khi bà Tước chết anh em thống nhất chia cho anh Nh, chị D 1.000m^2 đất. Tuy không làm giấy tờ nhưng anh em trong gia đình ai cũng biết và không phản đối. Khi bà Tước còn sống ông có nhờ bà Tước bán đất giùm được 35 chỉ vàng nhưng ông chỉ nhận 20 chỉ, còn lại 15 chỉ khi bà Tước chết đã sử dụng làm đám tang. Lúc đó anh em có thỏa thuận ông sẽ được hưởng phần đất của bà Tước để lại. Nhưng ông còn nợ của bà S 18 chỉ vàng nên đã giao phần đất trên cho bà S quản lý 01 năm. Sau đó, ông Tr trả cho bà S 18 chỉ vàng nên bà S giao lại đất cho ông Tr quản lý, sử dụng cho đến nay. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông Th, ông Tr và bà S. Ông yêu cầu trừ phần đất lúc còn sống bà Tước vừa bán vừa cho ông Tr và phần đất các anh chị em đã thống nhất cho anh Nh, chị D. Phần còn lại chia làm 07 phần, ông Tr được nhận 02 phần vì ông đang trực tiếp thờ cúng cha mẹ và ông Thảo.

Bà Nguyễn Thị D trình bày :Bà thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông Tr.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 131/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án Nh dân huyện Giồng Trôm quyết định:

Áp dụng Điều 674, 675 và 676 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật đất đai; khoản 1 Điều 35, 39, 147 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn D đối với di sản của bà Nguyễn Thị Tước để lại là phần đất có diện tích 3.790m^2 thuộc thửa 180 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 5B, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà Tước đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành 06 phần và 830,3m^2 làm lối đi chung, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Th được nhận thừa kế phần đất có diện tích 490,3m^2 thuộc thửa 180K và toàn bộ tài sản trên đất. Tức cận như sau: Bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 33,09m; nam giáp thửa 180L, cạnh 4-5 dài 32,32m; đông giáp thửa 180I, cạnh 2-3 dài 12,20m, cạnh 3-4 dài 2,62m; tây giáp thửa 180H, 180B, cạnh 5-6 dài 2,34m, cạnh 6-1 dài 12,76m. Đồng thời bồi thường giá trị hoa màu cho ông Tr là 14.670.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn D được nhận thừa kế phần đất có diện tích 490,1m^2 thuộc thửa 180H và toàn bộ tài sản trên đất. Tứ cận như sau: bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 37,50m; nam giáp thửa 180B, cạnh 3-4 dài 37,52m; đông giáp thửa 180K, cạnh 2-3 dài 12,76m; tây giáp thửa 180G, cạnh 4-1 dài 13,38m. Đồng thời bồi thường giá trị hoa màu cho ông Tr là 8.300.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Tr được nhận phần thừa kế phần đất có diện tích 476,2m^2 thuộc thửa 180D và toàn bộ tài sản trên đất. Tứ cận như sau: bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 36,03m; nam giáp thửa 180B, cạnh 3-4 dài 37,97m; đông giáp thửa 180E, cạnh 2-3 dài 13,10m; tây giáp thửa 180A, cạnh 4-1 dài 12,78m.

- Ông Nguyễn Văn T được nhận thừa kế phần đất có diện tích 450,8m^2 thuộc thửa 180E và toàn bộ tài sản trên đất. Tứ cận như sau: bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 34,4m; nam giáp thửa 180B, cạnh 3-4 dài 33,45m; đông giáp thửa 180F, cạnh 2-3 dài 13,51; tây giáp thửa 180D, cạnh 4-1 dài 13,10m. Đồng thời bồi thường giá trị hoa màu cho ông Tr là 26.080.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị S được nhận thừa kế phần đất có diện tích 490,3m^2 thuộc thửa 180G và toàn bộ tài sản trên đất. Tứ cận như sau: bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 36,49mm; nam giáp thửa 180B, cạnh 3-4 dài 2,7m, cạnh 4-5 dài 33,80m; đông giáp thửa 180H, cạnh 2-3 dài 13,38m; tây giáp thửa 180F, cạnh 5-1 dài 13,44m. Đồng thời bồi thường giá trị hoa màu cho ông Tr là 5.680.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị D được nhận thừa kế phần đất có diện tích 562m^2 thuộc thửa 180F và toàn bộ tài sản trên đất. Tứ cận như sau: bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 41,34m; nam giáp thửa 180B, cạnh 3-4 dài 42,16m; đông giáp thửa 180G, cạnh 2-3 dài 13,44m; tây giáp thửa 180E, cạnh 4-1 dài 13,51m. Đồng thời bồi thường giá trị hoa màu cho ông Tr là 22.650.000 đồng.

Ông Th, ông D, ông Tr, ông T, bà S và bà D được quyền sử dụng phần đất có diện tích 830m^2 thuộc thửa 180B tờ bản đồ số 02 làm lối đi chung. Lối đi có chiều dài các cạnh như sau: cạnh 1-2 dài 87,08m, cạnh 2-3 dài 15,71m, cạnh 3-4 dài 3,15m, cạnh 4-5 dài 37,97m; cạnh 5-6 dài 33,45m, cạnh 6-7 dài 42,16m, cạnh 7-8 dài

33,80m, cạnh 8-9 dài 2,7m; cạnh 9-10 dài 37,52m, cạnh 10-11 dài 2,34m, cạnh 11-12 dài 39,88m; cạnh 12-13 dài 148,25m; cạnh 13-14 dài 12,89m; cạnh 14-15 dài 2,44m; cạnh 15-16 dài 91,26m; cạnh 16-1 dài 4,03m.

Cóp hiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch cho các ông, bà cụ thể: ông Nguyễn Văn Th 542.300 đồng; Nguyễn Văn D 579.700 đồng; Nguyễn Văn Tr 3.197.000 đồng; Nguyễn Văn T 7.928.000 đồng; Nguyễn Thị S 542.300 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Tr. Công nhận phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 2.296,4m^2 thuộc thửa 180A, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 5B, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Tước đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, toàn bộ hoa màu, tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Tr. Đất có tứ cận như sau :

Bắc giáp thửa 176, cạnh 1-2 dài 82,56m;

Nam giáp thửa 180B, cạnh 5-6 dài 87,08m

Đông giáp thửa 180D, cạnh 2-3 dài 12,78m, cạnh 3-4 dài 3,15m, cạnh 4-5 dài 15,71m

Tây giáp rạch, cạnh 6-1 dài 28,94m.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Nh, chị Lê Thị D. Công nhận phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.023,5m^2 thuộc thửa 180L, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp 5B, thị trấn Giồng trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Tước đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản, hoa màu trên đất thuộc quyền sử dụng của anh Nguyễn Văn Nh và chị Lê Thị D. Đất có tứ cận:

Bắc giáp thửa 180B, 180k, cạnh 1-2 dài 39,88m, cạnh 2-3 dài 32,32m

Nam giáp thửa 180P, cạnh 5-6 dài 70,82m

Đông giáp thửa 180J, cạnh 3-4 dài 11,50m, cạnh 4-5 dài 3,45m

Tây giáp thửa 181, cạnh 6-1 dài 13,63m

Có phiếu xác nhận kết quả đo đạc kèm theo.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thành quả lao động và tài sản gắn liền với đất của anh Nh, chị D.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2017 ông Nguyễn Văn Th kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th, chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 7.147,6m^2 thuộc thửa số 180 tờ bản đồ số 2 thị trấn giồng Trôm, huyện Giồng Trôm thành 06 phần bằng nhau cho 06 người con. Ngày 11/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm kháng nghị toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và quan điểm kháng cáo, phía bị đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Đại diện VKS tham gia phiên tòa giữ quan điểm kháng nghị.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: không có ý kiến về thủ tục, xét thấy hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp là di sản của bà Tước để lại. Anh Nh, chị D không cung cấp được chứng cứ gì về việc bà Tước cho đất nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nh, chị D là không có cơ sở. Trong phần di sản bà Tước để lại có 109m^2 đất do ông Trung đứng tên quyền sử dụng đất, tuy nhiên cấp sơ thẩm không đưa ông Trung vào tham gia tố tụng là thiếu sót và ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Trung. Bà D có yêu cầu độc lập nhưng không làm đơn và không đóng tạm ứng án phí nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét yêu cầu của bà D là vi phạm tố tụng. Trên phần lối đi mà cấp sơ thẩm tuyên có cây trồng của ông Tr nhưng cấp sơ thẩm không xem xét, làm ảnh hưởng đến khả năng thi hành án. Đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 7.109,9m^2 thuộc thửa 180, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp 5B, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đứng tên bà Nguyễn Thị Tước. Nguồn gốc đất là của vợ chồng bà Tước chết nhưng không để lại di chúc. Nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất cha mẹ để lại. Bị đơn và người liên quan có yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bà Tước đã cho.

Xét yêu cầu phản tố của ông Tr: ông Tr thừa nhận lúc còn sống bà Tước vừa bán vừa cho ông phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 2.296,4m^2 mà không làm giấy tờ cũng như làm thủ tục tách sổ và ông có đưa cho bà Tước 05 chỉ vàng để mua đất. Trên thực tế, toàn bộ phần đất tranh chấp do ông Tr canh tác liên tục, ổn định từ năm 1982 đến nay. Phía nguyên đơn cho rằng không có việc bà Tước vừa bán vừa cho ông Tr phần đất như ông Tr trình bày. Do vậy, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế toàn bộ di sản mà bà Tước để lại.

Xét yêu cầu độc lập của anh Nh, chị D: anh Nh là cháu nội của bà Tước và sống với bà Tước từ nhỏ, bà Tước có nói miệng cho vợ chồng anh Nh phần đất. Sau khi bà Tước chết thì vợ chồng anh Nh canh tác liên tục trên phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.023,5m^2. Các nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của vợ chồng anh Nh. Sau khi bà Tước chết thì ông Tr đi đăng ký kê khai phần đất của bà Tước nhưng ông cũng không tách phần đất mà bà Tước vừa bán vừa cho ông vào năm 1980 như ông đã trình bày, đồng thời ông Tr cũng không tách phần đất mà bà Tước cho vợ chồng anh Nh như anh Nh trình bày.

HĐXX nhận thấy lời khai của các đương sự không thống nhất, cấp sơ thẩm chưa đối chất để làm rõ nhưng vẫn chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Tr và chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng anh Nh là giải quyết vụ án chưa toàn diện và triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận trong số diện tích đất mà bà Tước để lại có một phần đất hiện nay do ông Trung đang quản lý, sử dụng và đứng

tên quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm lại nhập chung phần đất của ông Trung vào để chia thừa kế mà không đưa ông Trung vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D có yêu cầu độc lập nhưng không làm đơn và không đóng tạm ứng án phí nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét và chấp nhận yêu cầu của bà D là vi phạm tố tụng.

Từ những phân tích trên, HĐXX nghĩ nên chấp nhận kháng nghị của VKS Nh dân huyện Giồng Trôm, hủy án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án Nh dân huyện Giồng Trôm xét xử lại theo thủ tục chung.

Do án sơ thẩm bị hủy nên ông Th không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2017/DS-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án Nh dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án Nh dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013746 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Giồng Trôm;*
- *Chi cục THADS huyện Giồng trôm;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư